

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2021/DSPT**

Ngày: 28/01/2021

V/v tranh chấp: “BTTH do tài sản bị xâm phạm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**.

- *Các Thẩm phán:*

1. Ông **Lê Thanh Vân**.

2. Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thanh Thủy**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Minh Hoàng**, Kiểm sát viên.

Trong ngày **28** tháng **01** năm **2021**, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 548/2020/TLPT-DS ngày 11/12/2020 về tranh chấp: “Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 209/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 657/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:*

1. Anh **Nguyễn Hữu P**, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: số 226, khu phố 2, thị trấn CB, huyện CB, Tiền Giang.

2. Chị **Nguyễn Thị Ngọc X**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện ủy quyền của anh Nguyễn Hữu P, chị Nguyễn Thị Ngọc X: Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp MQ, xã T, huyện CB, Tiền Giang. (theo văn bản ủy quyền ngày 16/6/2020). (có mặt)

** Bị đơn:* Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1955. (có mặt)

Địa chỉ: số X, Tổ 9, khu 4, thị trấn CB, huyện CB, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T: Chị **Trần Thị Cẩm H**, sinh năm 1973. Địa chỉ: số X, Tổ 9, khu 4, thị trấn CB, huyện CB, Tiền Giang. (theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2020), (có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Huỳnh Thị D**, sinh năm 1946. Địa chỉ: số X đường T, Khu phố 1, phường 1, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)*

** Người kháng cáo: Bị đơn **Trần Thị T**.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 16/6/2020 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh **Trần Văn L** đại diện ủy quyền nguyên đơn anh **Nguyễn Hữu P** và chị **Nguyễn Thị Ngọc X** trình bày:*

Anh **Nguyễn Hữu P** và chị **Nguyễn Thị Ngọc X** có phần đất thừa số 64, tờ bản đồ số 06, diện tích 29,4m², đất ở đô thị do Ủy ban nhân dân huyện CB cấp ngày 04/9/2013 cho anh **Nguyễn Hữu P** đứng tên, trên đất có 01 căn nhà. Tiếp giáp nhà, đất của anh P và chị X là nhà, đất của bà **Trần Thị T**. Ngày 03/4/2020, nhà bà T có tiến hành xây dựng đồng cọc bê tông cốt thép làm nhà của anh P bị nứt và hở tường ở phần trước và sau nhà. Anh P, chị X có thông báo cho bà T và bên thi công biết nhưng phía bà T vẫn tiếp tục thực hiện làm nhà anh P, chị X bị nứt, lún, nghiêng. Ngày 23/4/2020, anh P làm đơn gửi Ủy ban nhân dân thị trấn CB để xem xét giải quyết và Ủy ban nhân dân thị trấn cử cán bộ xuống xác minh hiện trạng nhà của anh P và chị X.

Ngày 30/4/2020, phía gia đình bà T có cử bà **Huỳnh Thị D** là chị chồng bà T xuống xem mức độ hư hại và có thỏa thuận với anh P và chị X cho phía gia đình bà T được tiếp tục xây dựng nhà và thỏa thuận số tiền bồi thường để cho anh P và chị X sửa chữa lại nhà với số tiền 35.000.000 đồng. Sau khi bồi thường xong, gia đình bà T có những lời lẽ xúc phạm danh dự và uy tín của gia đình anh P, nên ngày 29/5/2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn CB, anh P và chị X đã trả lại cho bà **Dung** số tiền 35.000.000 đồng.

Nay anh **Nguyễn Hữu P**, chị **Nguyễn Thị Ngọc X** yêu cầu bà **Trần Thị T** bồi thường số tiền 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo kết quả giám định thiệt hại của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng của tỉnh Đồng Tháp xác định chi phí khắc phục hư hỏng nhà anh P và chị X là 24.195.000 đồng, nhưng do căn nhà anh P và chị X bị rạn nứt trước khi bà T ép cọc, nên anh P và chị X tự nguyện chịu trách nhiệm 25% giá trị thiệt hại tương đương 6.000.000 đồng.

Do đó, anh P và chị X xin rút lại một phần yêu cầu, không yêu cầu bà T phải bồi thường số tiền 132.000.000 đồng; chỉ yêu cầu bà T bồi thường số tiền 18.000.000 đồng. Đối với chi phí tố tụng về việc giám định thiệt hại và xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 12.564.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu 25% chi phí, yêu cầu bà T hoàn lại chi phí tố tụng 75% với số tiền 9.423.000 đồng, yêu cầu bồi thường một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 10/7/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa chị **Trần Thị Cẩm H** đại diện ủy quyền bị đơn bà **Trần Thị T** trình bày:*

Bà T có căn nhà cặp sông CB diện tích 39,9m² (ngang 6,65m x dài 6m) tọa lạc tại Khu 4, thị trấn CB, huyện CB, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc do cha bà T để lại nhưng chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ở hướng Nam nhà đất bà T giáp với đất và nhà của anh P. Năm 2019, anh P xây dựng lại căn nhà sau (phần mé sông CB) giáp với nhà của bà T, cho nên giữa căn nhà sau và căn nhà trước của anh P không có kết cấu cốt thép, bê tông gắn kết nhau.

Ngày 03/4/2020, bà T tiến hành ép cọc bê tông cốt thép để xây dựng nhà mé sông, do Công ty ép cọc Nguyễn Hải S ở ấp 4, xã P, huyện CL, tỉnh Tiền Giang thực hiện. Trước khi tiến hành ép cọc thì bà T có phát hiện giữa căn nhà trước và căn nhà sau của anh P bị rạn nứt và hai mí tường giáp giữa nhà sau và nhà trước bị hở khoảng 4cm-5cm. Chị Huỳnh Thị Bích P có nói với chị X và chị X có trả lời đã biết rồi và không có ý kiến gì. Đến khi bà T ép cọc thứ 08 thì anh P ngăn cản cho rằng việc ép cọc gây ảnh hưởng đến nhà của anh P và yêu cầu thợ xây nhà cho bà T là Nguyễn Tấn T qua xem và nói nếu cắt sắt kết cấu giữa nhà trước và nhà sau thì sẽ ảnh hưởng đến nhà sau của anh P nên anh T không cắt. Do bà T bị bệnh phải đi điều trị, nên chị chồng là Huỳnh Thị D ở thị xã CL thỏa thuận với anh P hỗ trợ 35.000.000 đồng, anh P nhận tiền sau đó trả lại, việc thỏa thuận giữa bà D với anh P thì bà T không biết. Nhà của anh P bị nứt do nhà bị cũ nên đã có vết nứt sẵn, nên bà T không đồng ý bồi thường số tiền 18.000.000 đồng và chi phí tố tụng 9.423.000 đồng theo yêu cầu của anh P và chị X.

** Tại bản tự khai ngày 15/7/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị D trình bày:*

Bà là chị chồng của bà T, trước đây bà có đứng ra trao đổi thỏa thuận với anh P, hai bên thống nhất để bên phía bà T hỗ trợ sửa chữa số tiền 35.000.000 đồng, hai bên có làm giấy thỏa thuận, nhưng do về nhà giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn nên gia đình anh P mới trả lại số tiền này. Nay bà D không có ý kiến gì để hai bên tự giải quyết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 209/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 13, 174, 584, 589 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 157, Điều 161, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Nguyễn Hữu P và chị Nguyễn Thị Ngọc X về việc yêu cầu bà Trần Thị T bồi thường số tiền 132.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu P và chị Nguyễn Thị Ngọc X.

Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Buộc bà T hoàn lại chi phí tố tụng gồm chi phí giám định và xem xét thẩm định tại chỗ cho anh Nguyễn Hữu P và chị Nguyễn Thị Ngọc X với số tiền 9.423.000 đồng (Chín triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 13 tháng 10 năm 2020, bị đơn Trần Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bà không đồng ý bồi thường cho nguyên đơn số tiền 18.000.000 đồng và chi phí tố tụng là 9.423.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Trần Thị Cẩm H, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý bồi thường cho anh P, chị X số tiền 18.000.000 đồng và hoàn trả chi phí tố tụng là 9.423.000 đồng, với lý do là khi giám định, thẩm định căn nhà bị xâm phạm thì phần hư hại của căn nhà đã bị anh P, chị X tháo dỡ, nên không xác định nguyên nhân dẫn đến hư hỏng, chị đồng ý yêu cầu giám định tư pháp về xây dựng để xác định nguyên nhân lún, nứt của nhà anh P, chị X nhưng không đồng ý nộp tạm ứng chi phí.

Anh Nguyễn Hữu P và anh Trần Văn L, đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Ngọc X xác định: sau khi nhận số tiền 35.000.000 đồng của phía bị đơn, anh P đã tiến hành sửa chữa nhà và có đập phá bức tường, nhưng do bị đơn có lời lẽ xúc phạm vợ chồng anh P, nên trả lại số tiền 35.000.000 đồng và khởi kiện; không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị T, nhưng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, không yêu cầu bà T hoàn lại số tiền 9.423.000 đồng.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

- Về tố tụng, trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định pháp luật và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị T, ghi nhận tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bà T trả số tiền chi phí tố tụng là 9.423.000 đồng; áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 209/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Trần Thị T thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Thị T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bản án sơ thẩm nhận định cho rằng: theo biên bản xác minh ngày 24/4/2020 (bút lục 14) thì bà T cũng xác định *“Trước khi bà đóng trụ ép cọc thì căn nhà của anh P và chị X có hở giữa nhà trên và nhà dưới, anh P có kêu thợ sửa lại, sau đó hở tiếp, trong thời gian này bên nhà bà T đóng cọc ép xây dựng nhà thì ảnh hưởng đến vách tường của anh P bị nứt thêm”* và tại biên bản hòa giải ngày 11/6/2020 (bút lục số 18) của Ủy ban nhân dân thị trấn CB, bà T cũng xác định *“Nhà anh P trước kia cũng đã sụp lún sẵn rồi, nếu thẩm định do nhà bà đóng cọc gây thiệt hại thì bà chấp nhận bồi thường”*. Khi sự việc xảy ra ngày 15/5/2020, bà Huỳnh Thị D (là chị chồng của bà T) đã thỏa thuận với anh P hỗ trợ chi phí sửa chữa số tiền 35.000.000 đồng, anh P đã nhận đủ tiền xong, nên anh P kêu thợ đập tường để sửa nhà. Tuy nhiên, do phía gia đình bà T nói ra vào nên ngày 29/5/2020 anh P trả lại số tiền này lại cho phía bà T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm đã thông báo cho các bên đương sự nộp tạm ứng chi phí giám định tư pháp xây dựng với số tiền 100.000.000 đồng theo thông báo của Trung tâm giám định

chất lượng xây dựng của tỉnh Đồng Tháp, nhưng hai bên không có ai yêu cầu. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả giám định thiệt hại của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng của tỉnh Đồng Tháp xác định chi phí khắc phục hư hỏng nhà của anh P và chị X là 24.195.000 đồng, nhưng do anh P, chị X tự nguyện chịu trách nhiệm 25% giá trị thiệt hại tương đương 6.000.000 đồng và chỉ yêu cầu bà T bồi thường thiệt hại 75% tương đương số tiền 18.000.000 đồng, đồng thời anh P, chị X yêu cầu bà T hoàn trả chi phí tố tụng là 9.423.000 đồng (75% chi phí tố tụng). Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ.

[5] Bị đơn Trần Thị T kháng cáo, nhưng không nộp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình và không đồng ý nộp tạm ứng chi phí giám định tư pháp trong hoạt động xây dựng. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hữu P tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, không yêu cầu bà Trần Thị T hoàn lại số tiền 9.423.000 đồng.

Xét, đây là tự nguyện của anh P, nên Hội đồng xét ghi nhận và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn về chi phí tố tụng.

[6] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Tiền Giang, là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 13, 174, 584, 589 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị T.

Sửa án bản án dân sự sơ thẩm số 209/2020/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Nguyễn Hữu P và chị Nguyễn Thị Ngọc X về việc yêu cầu bà Trần Thị T bồi thường số tiền 132.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu P và chị Nguyễn Thị Ngọc X.

Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho anh Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị Ngọc X số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Ghi nhận tự nguyện của anh Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị Ngọc X (do anh Trần Văn L, đại diện theo ủy quyền) không yêu cầu bà Trần Thị T hoàn lại chi phí tố tụng với số tiền 9.423.000 đồng (Chín triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Về án phí: Bà Trần Thị T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Bà đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004199 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CB, nên được hoàn lại 300.000 đồng.

Hoàn lại anh Nguyễn Hữu P, chị Nguyễn Thị Ngọc X số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003686 ngày 26/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện CB;
 - Chi cục THADS huyện CB;
 - Các đương sự;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Lưu hồ sơ, án văn.
- DSPT-2020-Tâm

Lê Thị Hồng Tâm